

Số: 761 /QĐ-ĐHNT

Khánh Hòa, ngày 19 tháng 8 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng hệ chính quy quý III/2021

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

Căn cứ Quyết định số 155/CP ngày 16/8/1966 của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập và quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Trường Thủy sản nay là Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018 và Nghị định 99/2019NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị quyết số 340/NQ-HĐT ngày 24/3/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Nha Trang về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Quyết định số 753/QĐ-ĐHNT ngày 13/8/2021 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Quyết định số 268/QĐ-ĐHNT ngày 26/3/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang về việc Ban hành Quy chế quản lý văn bằng, chứng chỉ của Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ kết quả học tập của sinh viên Khoa Ngoại ngữ tại Trường Đại học Nha Trang;

Xét đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp và Trường phòng Đào tạo Đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng Đại học chính quy cho 130 sinh viên; cấp bằng Cao đẳng chính quy cho 37 sinh viên, vì đã hoàn thành chương trình đào tạo toàn khóa theo quy chế:

A. Đại học chính quy

TT	Ngành tốt nghiệp	K58 2016 - 2020	K59 2017 - 2021	Cộng
1	Ngôn ngữ Anh	03	127	130

B. Cao đẳng chính quy

TT	Ngành tốt nghiệp	K60 2018-2021	Cộng
1	Tiếng Anh	37	37

(Chữ ký)

Điều 2. Trưởng phòng liên quan, Khoa Ngoại ngữ và các sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu: Văn thư, ĐTDH.



HIỆU TRƯỞNG

Trang Sĩ Trung

DANH SÁCH TỐT NGHIỆP QUÝ III NĂM 2021

Theo Quyết định số 761 /QĐ-ĐHNT ngày 19 tháng 8 năm 2021

Loại hình đào tạo: Đại học chính quy

gôn ngữ Anh

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	58130017	Bùi Thị Kim Chi	05/08/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.NNA-2	2016-2020
2	58130929	Tô Thị Huệ	20/12/1997	Nghệ An	Nữ	Khá	58.NNA-2	2016-2020
3	58130114	Nguyễn Vũ Tú Quyên	18/07/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.NNA-3	2016-2020
4	59130028	Raphoz Anh	30/12/1999	Tây Ninh	Nữ	Khá	59.NNA-1	2017-2021
5	59130158	Thái Thị Mỹ Châu	10/10/1999	Quảng Trị	Nữ	Khá	59.NNA-1	2017-2021
6	59130402	Trần Việt Dũng	18/06/1999	Khánh Hòa	Nam	Khá	59.NNA-1	2017-2021
7	59130417	Nguyễn Hương Dương	29/03/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.NNA-1	2017-2021
8	59130522	Nguyễn Phương Hà	23/01/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.NNA-1	2017-2021
9	59130607	Võ Thị Thúy Hằng	07/04/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.NNA-1	2017-2021
10	59130643	Trần Thị Thanh Hào	04/08/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.NNA-1	2017-2021
11	59130855	Võ Thị Thanh Huệ	04/09/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.NNA-1	2017-2021
12	59130990	Bùi Thị Mỹ Huyền	05/04/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.NNA-1	2017-2021
13	59131130	Khổng Thị Bích Kiều	18/03/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.NNA-1	2017-2021
14	59131203	Lê Thanh Liêm	04/11/1999	Khánh Hòa	Nam	Khá	59.NNA-1	2017-2021
15	59131364	Lê Tuyết Ly	07/08/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.NNA-1	2017-2021
16	59131429	Lê Công Minh	19/12/1999	Khánh Hòa	Nam	Khá	59.NNA-1	2017-2021
17	59131493	Nguyễn Thị Thúy Nga	25/09/1999	Bình Định	Nữ	Khá	59.NNA-1	2017-2021
18	59131508	Lê Thị Hằng Nga	01/08/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.NNA-1	2017-2021
19	59131578	Nguyễn Thiện Nghĩa	28/01/1997	Khánh Hòa	Nam	Khá	59.NNA-1	2017-2021
20	59131689	Võ Ý Nhi	21/02/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.NNA-1	2017-2021
21	59131716	Nguyễn Lê Phương Nhi	25/05/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.NNA-1	2017-2021
22	59131806	Nguyễn Thị Ni Ni	24/05/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.NNA-1	2017-2021
23	59131974	Lê Thị Thanh Phượng	03/01/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.NNA-1	2017-2021
24	59132098	Võ Thúy Quỳnh	28/06/1999	Bình Định	Nữ	Giỏi	59.NNA-1	2017-2021
25	59132276	Trần Thị Kim Thanh	16/05/1998	Ninh Thuận	Nữ	Khá	59.NNA-1	2017-2021
26	59132506	Trần Thị Thanh Thư	10/09/1999	Đắk Lắk	Nữ	Giỏi	59.NNA-1	2017-2021
27	59138021	Phạm Phan Thùy Trâm	11/05/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.NNA-1	2017-2021
28	59132722	Nguyễn Hoàng Bảo Trân	02/08/1999	Ninh Thuận	Nữ	Khá	59.NNA-1	2017-2021
29	59132848	Nguyễn Thị Kim Trinh	22/03/1999	Ninh Thuận	Nữ	Trung bình	59.NNA-1	2017-2021
30	59138010	Phạm Thị Tuyết Trinh	25/01/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.NNA-1	2017-2021
31	59138016	Đặng Đình Tú	17/12/1999	Hà Nội	Nam	Khá	59.NNA-1	2017-2021
32	59133075	Thái Thị Hồng Vân	08/04/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.NNA-1	2017-2021
33	59133082	Nguyễn Thị Thúy Vân	20/09/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.NNA-1	2017-2021
34	59133148	Lê Nguyễn Trường Vinh	22/07/1999	Phú Yên	Nam	Khá	59.NNA-1	2017-2021
35	59133195	Phạm Thị Yến Vy	19/09/1999	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	59.NNA-1	2017-2021
36	59132376	Đặng Thị Diễm	23/06/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.NNA-2	2017-2021

Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
9130479	Trần Võ Thùy Duyên	16/09/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.NNA-2	2017-2021
59130537	Nguyễn Ngọc Phương Hà	29/06/1999	Gia Lai	Nữ	Khá	59.NNA-2	2017-2021
59130573	Huỳnh Nguyễn Đàm Hân	14/05/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.NNA-2	2017-2021
59130596	Phạm Thị Hằng	20/10/1999	Bình Định	Nữ	Khá	59.NNA-2	2017-2021
59130641	Phan Thị Như Hào	04/04/1999	Phú Yên	Nữ	Khá	59.NNA-2	2017-2021
59130983	Phạm Thị Mỹ Huyền	20/03/1999	Phú Yên	Nữ	Khá	59.NNA-2	2017-2021
59130997	Trần Thị Bích Huyền	13/07/1999	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	59.NNA-2	2017-2021
59131149	Nguyễn Thị Hoàng Lam	04/03/1999	Đắk Lắk	Nữ	Khá	59.NNA-2	2017-2021
59131262	Nguyễn Ái Linh	15/04/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.NNA-2	2017-2021
59131285	Trương Hồng Lĩnh	05/10/1999	Thanh Hóa	Nữ	Khá	59.NNA-2	2017-2021
59131349	Nguyễn Thị Lư	03/07/1998	Đắk Lắk	Nữ	Khá	59.NNA-2	2017-2021
59131361	Lê Thị Trúc Ly	28/02/1999	Phú Yên	Nữ	Khá	59.NNA-2	2017-2021
59131458	Trịnh Phương My	09/04/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.NNA-2	2017-2021
59131498	Trần Thị Thúy Nga	10/12/1999	Phú Yên	Nữ	Khá	59.NNA-2	2017-2021
59131548	Nguyễn Ngọc Bảo Ngân	17/06/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.NNA-2	2017-2021
59131594	Nguyễn Thị Giáng Ngọc	25/04/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.NNA-2	2017-2021
59131704	Huỳnh Thị Yến Nhi	10/07/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.NNA-2	2017-2021
59131727	Phạm Nguyên Bảo Nhi	06/03/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.NNA-2	2017-2021
59131748	Trần Thị Quỳnh Như	24/11/1999	Phú Yên	Nữ	Khá	59.NNA-2	2017-2021
59131816	Huỳnh Thị Nữ	07/08/1999	Ninh Thuận	Nữ	Khá	59.NNA-2	2017-2021
59131932	Trần Khánh Phương	04/12/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.NNA-2	2017-2021
59131963	Võ Anh Phương	13/11/1999	Khánh Hòa	Nữ	Giỏi	59.NNA-2	2017-2021
59132079	Nguyễn Thái Như Quỳnh	08/08/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.NNA-2	2017-2021
59132275	Nguyễn Thị Kim Thanh	19/11/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.NNA-2	2017-2021
59132327	Hoàng Thị Thanh Thảo	29/10/1999	Khánh Hòa	Nữ	Giỏi	59.NNA-2	2017-2021
59132505	Bùi Trần Kim Thư	14/03/1999	Khánh Hòa	Nữ	Giỏi	59.NNA-2	2017-2021
59132570	Nhan Hoàng Thùy	26/03/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.NNA-2	2017-2021
59132688	Hoàng Bảo Trâm	08/08/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.NNA-2	2017-2021
59132712	Lê Trần Bảo Trân	28/11/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.NNA-2	2017-2021
59132721	Nguyễn Lê Bảo Trân	11/12/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.NNA-2	2017-2021
59132725	Trần Thị Minh Trang	19/06/1999	Nam Định	Nữ	Khá	59.NNA-2	2017-2021
59132844	Ngô Kiều Trinh	23/03/1999	Khánh Hòa	Nữ	Giỏi	59.NNA-2	2017-2021
59132869	Nguyễn Thanh Trúc	10/09/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.NNA-2	2017-2021
59133016	Ngô Trần Thanh Tuyền	24/07/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.NNA-2	2017-2021
59133081	Đặng Ngọc Thanh Vân	21/03/1999	Khánh Hòa	Nữ	Giỏi	59.NNA-2	2017-2021
59133141	Nguyễn Thị Phước Vinh	14/05/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.NNA-2	2017-2021
59133261	Võ Thị Hồng Yến	30/03/1999	Khánh Hòa	Nữ	Giỏi	59.NNA-2	2017-2021
59130079	Phan Thị Kim Anh	10/10/1999	Ninh Thuận	Nữ	Khá	59.NNA-3	2017-2021
59130106	Trần Lê Quốc Bảo	25/12/1999	Khánh Hòa	Nam	Khá	59.NNA-3	2017-2021
59130289	Nguyễn Lê Tiến Đạt	13/09/1999	Khánh Hòa	Nam	Khá	59.NNA-3	2017-2021
59130472	Võ Trần Cẩm Duyên	26/02/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.NNA-3	2017-2021

15

	Mã SV	Họ tên sinh viên		Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
	59130992	Đỗ Thị Thanh	Huyền	13/11/1999	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	59.NNA-3	2017-2021
	59131180	Đỗ Thị Minh	Lanh	23/03/1999	Bình Thuận	Nữ	Khá	59.NNA-3	2017-2021
	59131353	Nguyễn Thu	Luyến	27/03/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.NNA-3	2017-2021
81	59131386	Võ Thị Ngọc	Mai	10/05/1999	Lâm Đồng	Nữ	Trung bình	59.NNA-3	2017-2021
82	59131702	Nguyễn Trần Mẫn	Nhi	02/07/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.NNA-3	2017-2021
83	59131833	Lê Thị Hồng	Phấn	15/09/1997	Phú Yên	Nữ	Khá	59.NNA-3	2017-2021
84	59131961	Nguyễn Ngọc Lam	Phuong	31/10/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.NNA-3	2017-2021
85	59132053	Truong Bích	Quyền	10/08/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.NNA-3	2017-2021
86	59132323	Nguyễn Thị Thu	Thảo	28/09/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.NNA-3	2017-2021
87	59132354	Nguyễn Trần Phương	Thảo	06/09/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.NNA-3	2017-2021
88	59132450	Lê Thị	Thom	12/03/1999	Phú Yên	Nữ	Trung bình	59.NNA-3	2017-2021
89	59132466	Lê Nguyễn Anh	Thư	07/10/1999	TP Hồ Chí Minh	Nữ	Khá	59.NNA-3	2017-2021
90	59132504	Võ Anh	Thư	05/08/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.NNA-3	2017-2021
91	59132567	Cao Vũ Như	Thùy	10/09/1999	Bình Định	Nữ	Khá	59.NNA-3	2017-2021
92	59132698	Đặng Phương	Trâm	28/10/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.NNA-3	2017-2021
93	59132769	Phạm Nguyên Khánh	Trang	18/10/1999	TP Hồ Chí Minh	Nữ	Khá	59.NNA-3	2017-2021
94	59132784	Phạm Thị Thùy	Trang	28/10/1999	Đắk Lắk	Nữ	Khá	59.NNA-3	2017-2021
95	59132835	Truong Thị Phương	Trinh	16/06/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.NNA-3	2017-2021
96	59132998	Nguyễn Thị	Tuyền	02/02/1999	Bình Định	Nữ	Khá	59.NNA-3	2017-2021
97	59133046	Nguyễn Thục	Uyên	20/02/1999	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	59.NNA-3	2017-2021
98	59133122	Trần Như Trang	Viên	17/08/1999	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	59.NNA-3	2017-2021
99	59133208	Lê Thị Thanh	Vy	04/08/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.NNA-3	2017-2021
100	59133253	Nguyễn Thị Kim	Yến	29/09/1999	Quảng Ngãi	Nữ	Trung bình	59.NNA-3	2017-2021
101	59130413	Lê Thị Thùy	Dương	04/06/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.NNA-4	2017-2021
102	59130469	Lê Thị Kiều	Duyên	24/12/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.NNA-4	2017-2021
103	59130593	Nguyễn Ngọc	Hằng	07/01/1999	Quảng Ngãi	Nữ	Trung bình	59.NNA-4	2017-2021
104	59130690	Đoàn Thị Thanh	Hiền	29/05/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.NNA-4	2017-2021
105	59130991	Trần Thanh	Huyền	01/07/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.NNA-4	2017-2021
106	59131046	Trần Đức	Khánh	24/01/1999	Khánh Hòa	Nam	Giỏi	59.NNA-4	2017-2021
107	59131094	Cao Thị Mỹ	Khuyên	08/11/1999	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	59.NNA-4	2017-2021
108	59131256	Ngô Thị Cẩm	Linh	16/05/1999	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	59.NNA-4	2017-2021
109	59131301	Nguyễn Đức	Lộc	17/08/1999	Khánh Hòa	Nam	Khá	59.NNA-4	2017-2021
110	59131365	Võ Thị Mai	Ly	03/09/1999	Khánh Hòa	Nữ	Giỏi	59.NNA-4	2017-2021
111	59131385	Lê Thị Như	Mai	04/06/1999	Đắk Lắk	Nữ	Khá	59.NNA-4	2017-2021
112	59131693	Võ Thị Yến	Nhi	20/07/1999	Bình Định	Nữ	Khá	59.NNA-4	2017-2021
113	59131717	Nguyễn Phương	Nhi	23/11/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.NNA-4	2017-2021
114	59131807	Nguyễn Thị Hằng	Ni	15/08/1999	Khánh Hòa	Nữ	Giỏi	59.NNA-4	2017-2021
115	59131909	Huỳnh Thị Mỹ	Phụng	13/12/1999	Phú Yên	Nữ	Khá	59.NNA-4	2017-2021
116	59131950	Phan Trần Hà	Phuong	29/11/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.NNA-4	2017-2021
117	59132041	Huỳnh Lê	Quyên	13/09/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.NNA-4	2017-2021
118	59132236	Tô Thị	Thắm	09/10/1999	Quảng Ngãi	Nữ	Khá	59.NNA-4	2017-2021

Handwritten signature

Mã SV	Họ tên sinh viên		Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
9132351	Nguyễn Như	Thảo	17/06/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.NNA-4	2017-2021
59136231	Châu Thị Mỹ	Thuận	26/05/1999	Bình Thuận	Nữ	Khá	59.NNA-4	2017-2021
1 59132554	Thái Thị Thanh	Thúy	02/09/1999	Phú Yên	Nữ	Khá	59.NNA-4	2017-2021
22 59132697	Trần Thị Phụng	Trâm	23/09/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.NNA-4	2017-2021
123 59132718	Nguyễn Cát	Trân	30/11/1999	Khánh Hòa	Nữ	Giỏi	59.NNA-4	2017-2021
124 59132752	Nguyễn Ngọc Thu	Trang	02/10/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.NNA-4	2017-2021
125 59132830	Võ Thị Tú	Trinh	15/03/1999	Bình Định	Nữ	Trung bình	59.NNA-4	2017-2021
126 59132867	Lê Phương Mai	Trúc	19/01/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.NNA-4	2017-2021
127 59133042	Nguyễn Thị Tú	Uyên	24/01/1999	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	59.NNA-4	2017-2021
128 59133064	Đinh Thị Ý	Vân	16/09/1999	Quảng Ngãi	Nữ	Khá	59.NNA-4	2017-2021
129 59133198	Lê Mai Tường	Vy	27/02/1999	Khánh Hòa	Nữ	Giỏi	59.NNA-4	2017-2021
130 59133213	Hà Thị Thanh	Vy	23/08/1999	Đắk Lắk	Nữ	Khá	59.NNA-4	2017-2021
Danh sách có 130 sinh viên								

DANH SÁCH TỐT NGHIỆP QUÝ III NĂM 2021

Theo Quyết định số /QĐ-ĐHNT ngày tháng 8 năm 2021

Loại hình đào tạo: **Cao đẳng chính quy**

Tiếng Anh

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên		Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	60161741	Nguyễn Thị Ngọc	Diện	03/04/2000	Phú Yên	Nữ	Trung bình	60C.TADL-1	2018-2021
2	60162027	Võ Thị Kim	Hoa	14/05/2000	Khánh Hòa	Nữ	Khá	60C.TADL-1	2018-2021
3	60160543	Nguyễn Thị Trúc	Linh	10/10/2000	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	60C.TADL-1	2018-2021
4	60160568	Trần Thị Bích	Lộc	16/08/2000	Phú Yên	Nữ	Trung bình	60C.TADL-1	2018-2021
5	60162529	Phạm Thị Yến	Nhi	10/10/2000	Khánh Hòa	Nữ	Khá	60C.TADL-1	2018-2021
6	60162067	Trần Thị	Nhớ	20/01/2000	Bình Định	Nữ	Khá	60C.TADL-1	2018-2021
7	60160993	Nguyễn Minh	Tâm	05/11/2000	Đắk Lắk	Nữ	Trung bình	60C.TADL-1	2018-2021
8	60161119	Phạm Minh	Thư	29/09/2000	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	60C.TADL-1	2018-2021
9	60162125	Hoàng Minh	Tường	04/08/2000	Khánh Hòa	Nữ	Khá	60C.TADL-1	2018-2021
10	60162106	Nguyễn Thị Thảo	Vy	10/05/2000	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	60C.TADL-1	2018-2021
11	60162655	Nguyễn Ngọc Minh	Anh	01/01/2000	Phú Yên	Nữ	Trung bình	60C.TADL-2	2018-2021
12	60160061	Nguyễn Hữu	Bình	25/11/2000	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	60C.TADL-2	2018-2021
13	60160164	Nguyễn Ngọc	Diệp	10/03/2000	Phú Yên	Nữ	Trung bình	60C.TADL-2	2018-2021
14	59130732	Vũ Nhật	Hiếu	25/09/1999	Khánh Hòa	Nam	Khá	60C.TADL-2	2018-2021
15	60162600	Trần Thị Mỹ	Khoản	27/12/2000	Khánh Hòa	Nữ	Khá	60C.TADL-2	2018-2021
16	60162051	Nguyễn Nhất	Luân	09/09/2000	Phú Yên	Nam	Trung bình	60C.TADL-2	2018-2021
17	60160641	Võ Đức	Minh	07/11/2000	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	60C.TADL-2	2018-2021
18	60160682	Trần Thị	Nga	22/05/2000	Phú Yên	Nữ	Trung bình	60C.TADL-2	2018-2021
19	60160712	Nguyễn Thị Thùy	Nghiêm	10/12/2000	Phú Yên	Nữ	Trung bình	60C.TADL-2	2018-2021
20	60162619	Trương Thị	Nhi	01/05/2000	Ninh Thuận	Nữ	Trung bình	60C.TADL-2	2018-2021
21	60160988	Hồ Thị Như	Tâm	21/09/2000	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	60C.TADL-2	2018-2021
22	60160996	Nguyễn Thị Thu	Tâm	24/12/2000	Đắk Lắk	Nữ	Khá	60C.TADL-2	2018-2021
23	60161097	Phạm Thị Thu	Thơm	01/11/2000	Phú Yên	Nữ	Trung bình	60C.TADL-2	2018-2021

15

	Mã SV	Họ tên sinh viên		Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
	60161151	Nguyễn Thị Ngọc	Thúy	31/03/2000	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	60C.TADL-2	2018-2021
25	60161205	Lê Thị Nhuận	Tĩnh	04/01/2000	Ninh Thuận	Nữ	Trung bình	60C.TADL-2	2018-2021
26	60162245	Trần Thị Kim	Tuyền	24/09/2000	Khánh Hòa	Nữ	Khá	60C.TADL-2	2018-2021
27	60162633	Tô Thị Ánh	Vi	10/04/2000	Quảng Ngãi	Nữ	Khá	60C.TADL-2	2018-2021
28	60162638	Biện Thị Thục	Vy	19/11/2000	Khánh Hòa	Nữ	Khá	60C.TADL-2	2018-2021
29	60162415	Bùi Thị Thúy	Diễm	29/12/2000	Bình Định	Nữ	Trung bình	60C.TADL-3	2018-2021
30	60160169	Đinh Thị Thu	Diệu	18/08/1999	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	60C.TADL-3	2018-2021
31	60160243	Nguyễn Thị Thanh	Hà	28/03/2000	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	60C.TADL-3	2018-2021
32	60162683	Trần Thị Thanh	Huyền	12/12/2000	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	60C.TADL-3	2018-2021
33	60161974	Nguyễn Thị Xuân	Lan	01/11/2000	Khánh Hòa	Nữ	Khá	60C.TADL-3	2018-2021
34	60160560	Hà Trúc	Loan	30/01/2000	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	60C.TADL-3	2018-2021
35	60160626	Kiều Nữ Mi	Mi	28/05/2000	Ninh Thuận	Nữ	Trung bình	60C.TADL-3	2018-2021
36	60162709	Đậu Thúy	Nga	05/11/2000	Nghệ An	Nữ	Khá	60C.TADL-3	2018-2021
37	60160803	Đặng Thị Biển	Nhớ	08/10/2000	Phú Yên	Nữ	Khá	60C.TADL-3	2018-2021

Danh sách có 37 sinh viên